| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HU ỆN T**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST<br>Ngày: 08 - 01 - 2021<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HU ỆN T , TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Bùi Thanh Bình

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân hU ện T .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân hU ện T , tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân hU ện T ; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo QU ết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *NgU ên đơn:* Chị Lê Thị G , sinh năm 1983, địa chỉ: Xóm 17, xã Q, hU ện T , tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Qúy T1, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Trung Lập 1, xã X , hU ện T , tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải qU ết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ngU ên đơn là chị Lê Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 qua tìm hiểu, tự ngU ện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường Thống Nhất, hU ện Yên Định vào ngày 20/4/2007. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. NgU ên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh T1

tính hay rượu chè, về say xỉn là đánh đập chửi bới vợ con; đã có nhiều lần chị phải nhờ chính qU ền địa phương can thiệp, giải qU ết cho vợ chồng, nhưng anh T1 vẫn không chịu thay đổi tính nết, nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không thể chịu đựng nỗi tính cách của anh T1, nên từ tháng 8/2020 chị đã đưa các con về sinh sống bên nhà bố mẹ đẻ chị, vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải qU ết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị G xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là các cháu Đỗ Bảo N , sinh ngày 07/02/2008; Đỗ Minh C , sinh ngày 06/6/2012 và Đỗ Qúy Thiên U , sinh ngày 13/10/2015. Hiện tại cả 03 con chung đang ở với chị G . Quan điểm của chị G là xin được trực tiếp nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cả ba cháu là 2.000.000đ/tháng. Hiện tại chị đang đi làm công ty thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng, đủ khả năng để nuôi con. Trường hợp nếu Tòa án chỉ giải qU ết cho chị được trực tiếp nuôi một hoặc hai con chung thì chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị G xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải qU ết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/10/2020, các lời khai trong quá trình giải qU ết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Đỗ Qúy T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự ngU ện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường Thống Nhất, hU ện Yên Định vào ngày 20/4/2007 như chị G trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 tình cảm giữa vợ chồng mới có phát sinh mâu thuẫn, ngU ên nhân do vấn đề kinh tế khó khăn, nên giữa vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Trong sinh hoạt, anh đi làm thợ nên thi thoảng anh có uống rượu giao lưu, nhưng chị G không thông cảm, mà thường hay nói những lời lẽ xóc óc và xúc phạm anh, nên vợ chồng có bới chửi nhau, trong lúc nóng giận anh có đánh chị vài lần. Từ khoảng tháng 8 năm 2020 chị G tự ý đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở; anh đã nhiều lần tìm gặp chị G để nói chU ện, nhưng gia đình chị G ngăn cản không cho vào nhà nên vợ chồng không nói chU ện được với nhau để giải qU ết mâu thuẫn. Anh T1 xác định đang còn rất yêu thương vợ, nên không đồng ý ly hôn, mà đề nghị Tòa án giải qU ết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh T1 xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là các cháu Đỗ Bảo N , sinh ngày 07/02/2008; Đỗ Minh C , sinh ngày 06/6/2012 và Đỗ Qúy Thiên U , sinh ngày 13/10/2015. Hiện tại cả 03 con chung đang ở với chị G . Quan điểm của anh T1 là nếu giải qU ết ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu U , còn để chị G được nuôi cháu C ; anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng. Hiện tại anh đang đi làm, thu nhập được khoảng 4.000.000đ/tháng và có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: anh T1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải qU ết.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2020 các cháu Đỗ Bảo N và Đỗ Minh C đều trình bày ngU ện vọng xin được ở với mẹ (chị G ), nếu bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 14/12/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2007 tại UBND thị trấn Nông Trường Thống Nhất, hU ện Yên Định. Chị G và anh T1 có 03 (ba) con chung là các cháu Đỗ Bảo N , sinh ngày 07/02/2008; Đỗ Minh C , sinh ngày 06/6/2012 và Đỗ Qúy Thiên U , sinh ngày 13/10/2015. Qúa trình chung sống tại địa phương đã nhiều lần chị G và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau; đã có lần Công an xã phải can thiệp, giải qU ết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải qU ết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các qU định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các qU định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải qU ết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị qU ết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qU định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Đỗ Qúy T1. Về con chung: Giao 03 con chung là các cháu Đỗ Bảo N , Đỗ Minh C và Đỗ Qúy Thiên U cho chị Lê Thị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đỗ Qúy T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản và công nợ: Không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo qU định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị G khởi kiện đề nghị giải qU ết xin được ly hôn với anh Đỗ Qúy T1, cư trú tại: thôn Trung Lập 1, xã X , hU ện T , tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm qU ền giải qU ết của Tòa án nhân dân hU ện T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 tự ngU ện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Thống Nhất (nay là thị trấn Thống Nhất), hU ện Yên Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2007, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong qúa trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xU ên cãi vã, xúc phạm đánh chửi nhau, đã có lần anh T1 đánh chị G chính qU ền địa phương phải can thiệp, giải qU ết. NgU ên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất

đồng trong sinh hoạt gia đình và tính cách của hai vợ chồng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020. Qúa trình giải qU ết vụ án, chị G một mực đề nghị giải qU ết cho chị được ly hôn; còn anh T1 có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng anh T1 không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải qU ết ly hôn của chị G , xử cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Đỗ Qúy T1.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 đều xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là các cháu Đỗ Bảo N , sinh ngày 07/02/2008; Đỗ Minh C , sinh ngày 06/6/2012 và Đỗ Qúy Thiên U , sinh ngày 13/10/2015.

Tại phiên tòa hôm nay, chị G có quan điểm xin được trực tiếp nuôi cả 03 con chung; còn anh T1 có quan điểm xin được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu N và cháu U . Hội đồng xét xử, thấy rằng: Cả 03 con chung của anh chị đều đang ở độ tuổi cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; trong khi cả chị G và anh T1 đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó để đảm bảo qU ền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn và đảm bảo được qU ền lợi về mọi mặt của con, và phù hợp với ngU ện vọng của các con, cần thiết giao con cho cả hai anh chị đều được trực tiếp nuôi dưỡng, cụ thể: Giao cháu Đỗ Bảo N và Đỗ Minh C cho chị Lê Thị G được trực tiếp nuôi; giao cháu Đỗ Qúy Thiên U cho anh Đỗ Qúy T1 trực tiếp nuôi, như vậy là phù hợp với qU định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị G và anh T1 đều không có yêu cầu về cấp dưỡng, do đó chị G và anh T1 không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải qU ết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qU định của pháp luật.

[6] Vê qU ền kháng cáo: Các đương sự được qU ền kháng cáo bản án theo qU định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QU ẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị qU ết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qU định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*1. Về hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Đỗ Qúy T1.

*2. Về con chung:* Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 có 03 (ba) con chung là các cháu Đỗ Bảo N , sinh ngày 07/02/2008; Đỗ Minh C , sinh ngày 06/6/2012 và Đỗ Qúy Thiên U , sinh ngày 13/10/2015.

Giao các cháu Đỗ Bảo N và Đỗ Minh C cho chị Lê Thị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Đỗ Qúy Thiên U cho anh Đỗ Qúy T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị G và anh Đỗ Qúy T1 có qU ền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*3. Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

*4. Về án phí:* Chị Lê Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006192 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự hU ện T . Chị Lê Thị G đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, qU ết định được thi hành theo qU định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có qU ền thỏa thuận thi hành án, qU ền yêu cầu thi hành án, tự ngU ện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qU định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qU định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*5. Về qU ền kháng cáo:* NgU ên đơn, bị đơn có qU ền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU ên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND hU ện T ;
- Chi cục THADS hU ện T ;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND TT. T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**